

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 868/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Pom Cón, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa”

(Trữ lượng tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2017)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép số 302/GP-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Hùng Lộc được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Pom Cón, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Hùng Lộc tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 15/11/2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 28 tháng 02 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Pom Cón, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung sau:

1. Vị trí, diện tích:

Khu vực thăm dò có diện tích 2,2 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5 và phần diện tích tính trừ lượng tại khu vực khai trường là 0,386 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 6, 7, 5 (có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và bản vẽ số 01 kèm theo).

2. Trữ lượng khoáng sản:

2.1. Trữ lượng địa chất mỏ: 881.965 m³, trong đó:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm VLXD thông thường là 861.230 m³; gồm:

Trữ lượng: + Cấp 121: 811.325 m³;

+ Cấp 122: 49.905 m³;

- Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp cấp 122 là 20.735 m³.

2.2. Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 622.634 m³, trong đó:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm VLXD thông thường là 601.899 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là 20.735 m³.

3. Mức sâu các khối tính trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo;

Trữ lượng của từng khu vực, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất;

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH TMXD Hùng Lộc;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

BHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

TỌA ĐỘ THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI
LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG TẠI NÚI POM CÓN, XÃ QUANG CHIỀU,
HUYỆN MIỀN CỎ, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 868/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc		Hệ tọa độ VN - 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Khu vực thăm dò (2,2 ha)	1	2265 803.40	445 360.98
	2	2265 690.76	445 360.73
	3	2265 687.20	445 542.40
	4	2265 719.42	445 550.25
	5	2265 826.46	445 508.63
Khu vực thu hồi khoáng sản tại khai trường (0,386 ha)	1	2265 803.40	445 360.98
	6	2265 830.23	445 360.89
	7	2265 851.75	445 513.23
	5	2265 826.46	445 508.63

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOẢNG SẢN MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG
THƯỜNG TẠI NÚI ĐOM, XÃ QUANG CHIÊU, HUYỆN MUỜNG LÁT,
TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 868 /QĐ-UBND
ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khối trữ lượng	Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng	Trữ lượng đá vôi (m ³)	Ghi chú
K-I.2	122	Thấp nhất +400 m	49.905	
K-II.2	121		232.650	
K-III.2	121		434.387	
K-IV.2	121		144.288	
Tổng trữ lượng đá vôi			861.230	

Khối trữ lượng	Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất và cao nhất khối trữ lượng	Trữ lượng đất san lấp (m ³)	Ghi chú
K-I.1	122	Thấp nhất +400 m Cao nhất + 439,5 m	3.375	
K-II.1	122	Thấp nhất +400 m Cao nhất + 478,5 m	9.405	
K-III.1	122	Thấp nhất +400 m Cao nhất + 446,5 m	6.875	
K-IV.1	122	Thấp nhất +408 m Cao nhất + 446,5 m	1.080	
Tổng trữ lượng đất san lấp			20.735	